

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/DS-PT

Ngày 08-01-2025

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản và đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Không Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 481/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1942.

Địa chỉ cư trú: 287 ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ liên hệ: 137 ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2024).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Hạnh Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ: Bà Huỳnh Thanh X – Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1961.

Địa chỉ cư trú: Số A, Ô khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Võ Thị S, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số A, Ô khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Hải V, sinh năm 1998.

Địa chỉ cư trú: Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Á là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Á có nội dung như sau:

Bà và chồng bà là ông Nguyễn Hữu L (đã chết) là chủ sử dụng 03 thửa đất số 23, 83 và 84, cùng tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ. Năm 2005, bà và ông L xây căn nhà diện tích ngang 4,5m x dài 25m, kết cấu: vách tường, mái lợp tole, kèo sắt, cột sắt trên thửa đất nêu trên.

Ngày 04/12/2017, bà và ông L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đắc T, không sang nhượng nhà trên đất. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tắt là HĐCNQSDĐ) được Văn phòng C1 công chứng số 3340 quyền số 04/2017-TP/CC-SCC/HĐGD. Mặc dù đã chuyển nhượng đất cho ông T nhưng bà và ông L vẫn sống trong căn nhà trên đất.

Ông T đứng tên nhận chuyển nhượng đất nhưng thực tế ông T và bà Nguyễn Hạnh Đ hùn tiền mua, cho nên bà Đ cho bà và ông L chuộc lại đất với số tiền là 630.000.000đ, bà và ông L đã trả lại cho bà Đ được 450.000.000đ. Khi nào bà và ông L trả đủ số tiền còn lại sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đất. Ngày 22/10/2018, ông L chết nên bà không có tiền để đưa tiếp cho bà Đ nên ông T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đ được Văn phòng C2, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019.

Ngày 03/11/2020, sau khi đi công việc về thì bà phát hiện ngôi nhà cấp 4 của bà trên thửa đất 23, 83, 84 bị bà Đ tháo dỡ. Bà Đ đập phá căn nhà, lấy tài sản trong nhà, bỏ hư hỏng tài sản.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ: Trả cho bà số tiền đã nhận 450.000.000đ. Bồi thường giá trị căn nhà: 300.000.000đ và trả giá trị tài sản bà Đ lấy về với số tiền 120.680.000đ (gồm: 01 tủ lạnh trị giá 11.000.000đ; 01 máy lạnh trị giá 10.000.000đ; 01 máy giặt trị giá 6.000.000đ; 01 nồi cơm gaz trị giá 12.880.000đ; 01 bếp ga trị giá 2.500.000đ; 01 tủ áo trị giá 5.000.000đ; 01 tủ chén trị giá 2.500.000đ; 01 tivi trị giá 3.500.000đ; 01 bộ ghế salon trị giá 60.000.000đ; 10 bàn tròn trị giá 5.500.000đ; 100 cái ghế trị giá 1.800.000đ). Trả

giá trị tài sản bà Đ bỏ ngoài trời làm hư hỏng: 12.700.000đ (tủ thờ trị giá 6.700.000đ, giường hộp trị giá 6.000.000đ). Tiền thuê nhà trọ: 42.000.000đ (từ tháng 11/2020 đến tháng 5/2024 là 42 tháng x 1.000.000đ/tháng). Tổng cộng 925.380.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Hạnh Đ do bà Dương Thị Kim T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Á về việc buộc bà Đ trả và bồi thường tổng cộng 925.380.000đ.

Vì: Ngày 20/9/2017, bà Đ cho ông L bà Á vay 600.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận do bà Á ông L ký tên, có làm hợp đồng thế chấp nhưng hợp đồng chưa làm xong thì cùng ngày ông L trả lại bà Đ 450.000.000đ nên ông L viết biên nhận ghi nợ bà Đ 630.000.000đ (vì tính lãi của 600.000.000đ 1 tháng 30.000.000đ) trả 450.000.000đ, còn nợ lại 180.000.000đ, biên nhận ông L và bà Đ ký tên, chỉ có 01 bản chính do ông L giữ. Ban đầu số tiền 600.000.000đ vay sẽ thế chấp các thửa đất 23, 83, 84, nhưng sau đó số tiền vay còn 150.000.000đ nên thế chấp đảm bảo khoản vay 150.000.000đ. Đối với 30.000.000đ tiền lãi thỏa thuận ban đầu không ghi vào hợp đồng thế chấp vì ông L đã trả lại 450.000.000đ, nên bà Đ không lấy lãi 30.000.000đ. Đến ngày 23/10/2017, bà Á ông L trả tiền nên thanh lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Biên nhận bà Á nộp có chữ ký của bà Đ và ông L, bà Đ thừa nhận chữ ký là của bà Đ. Tuy nhiên, ngày 20/7/2017 chứ không phải ngày 20/7/2018, có sự cạo sửa năm 2017 thành 2018. Bà Đ không yêu cầu giám định. Ngoài ra, ngày 28/9/2017 bà Đ cho bà Á và con là Nguyễn Hải V vay 30.000.000đ, mục đích vay dùng tiền cho Hải V đi nước ngoài. Đến nay, bà Á và Hải V chưa trả, nhưng bà Đ không tranh chấp trong vụ án này.

Đối với việc bà Á yêu cầu bồi thường và trả tiền bà Á thuê nhà trọ. Bà Đ có ý kiến như sau: Ngày 29/4/2019, bà Đ lập hợp đồng bằng giấy tay nhận chuyển nhượng nhà và đất từ ông T. Đến ngày 22/5/2019, bà Đ và ông T tiến hành công chứng HĐCNQSDĐ. Do tài sản trên đất là căn nhà không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nên hợp đồng chuyển nhượng không ghi tài sản trên đất. Do cần sử dụng mặt bằng nên bà Đ nhiều lần yêu cầu bà Á di dời chỗ ở để trả lại mặt bằng, nhưng bà Á không di dời. Bà Đ tiến hành tháo dỡ căn nhà, bên trong căn nhà không còn tài sản của bà Á.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đắc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Năm 2017, ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L, bà Á các thửa đất 23, 83, 84, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ và tài sản trên đất. Sau đó, ông L bà Á thuê lại với số tiền 1.000.000đ/tháng, có làm hợp đồng thuê. Nhưng ông L bà Á chưa trả tiền thuê. Năm 2019, ông chuyển nhượng đất và nhà lại cho bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải V trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà là con ông L, bà Á. Bà thừa nhận có vay 30.000.000đ của bà Đ vào ngày 28/9/2017, mục đích vay dùng tiền đi nước ngoài. Sau khi bà đi nước ngoài, ở nhà bà Á trả cho bà Đ chưa bà không biết. Trong vụ án này bà thống nhất toàn bộ trình bày và yêu cầu của bà Á. Bà không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Á đối với bà Nguyễn Hạnh Đ về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi tài sản” liên quan bà Á yêu cầu bà Đ trả 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường thiệt hại về tài sản, thuê nhà trọ 441.380.000 đồng (bốn trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 11/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ nhận được đơn kháng của bà Nguyễn Thị Ngọc Á kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 475.380.000đ, đối với số tiền 450.000.000đ thì nguyên đơn xin rút lại. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á trình bày: Hành vi của bà Đ tự ý tháo dỡ nhà của bà Á khi không được sự cho phép của bà Á là không hợp pháp. Đây là tài sản của bà Á. Việc bà Á, ông L không bán nhà cho ông T là để sau này chuộc lại nên mới lập hợp đồng thuê nhà chứ thực chất là thuê mặt bằng, số tiền thuê nhà 42.000.000đ bà Á cũng đã trả cho ông T. Nay bà Á yêu cầu bà Đ bồi thường 475.380.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ và bà Đ thống nhất trình bày: Giấy đặt cọc thể hiện giữa ông T với bà Đ có ghi việc chuyển nhượng nhà và đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) không thể hiện nhà nên chuyển nhượng chỉ ghi đất nhưng giấy đặt cọc thì có việc mua nhà. Ông T nhận chuyển nhượng đất và nhà của bà Á rồi cho bà Á thuê lại nhà trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn này thì ông T chuyển nhượng cho bà Đ là phù hợp. Khi bà Đ dỡ nhà thì trong nhà không có tài sản và bà Đ cũng có báo chính quyền địa phương thì chính quyền địa phương bảo có GCNQSDĐ nên tháo dỡ được. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Á.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ

đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định bà Á ông L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà cho ông T. Ông T cho bà Á ông L thuê lại nhà trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn này ông T chuyển nhượng lại cho bà Đ, do đó bà Đ là chủ sở hữu hợp pháp nên bà Á khởi kiện yêu cầu bà Đ bồi thường tiền thuê trọ do bà Á không có nhà để ở là không có cơ sở. Đối với các tài sản khác, bà Á không đưa ra được chứng cứ chứng minh tại thời điểm bà Đ tháo dỡ nhà có những tài sản đó và thuộc sở hữu của bà Á, riêng chỉ có 01 cái giường và 01 tủ thờ thì bà Đ vẫn để lại trên đất nên yêu cầu bồi thường này của bà Á cũng không có cơ sở. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Á, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Á rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu buộc bà Đ trả lại số tiền 450.000.000đ. Căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với kháng cáo này của bà Á.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Á yêu cầu bị đơn bồi thường với số tiền 475.380.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Ngày 04/12/2017, bà Á, ông L ký HĐCNQSDĐ cho ông T, cùng ngày ông L ký hợp đồng thuê nhà ở với ông T, thời hạn thuê 01 năm từ ngày 04/12/2017 đến ngày 04/12/2018. Bà Á cho rằng chỉ chuyển nhượng đất chứ không chuyển nhượng nhà trên đất, còn việc ký hợp đồng thuê thực chất là thuê mặt bằng để ở và sau này có điều kiện sẽ chuộc lại đất. Phía ông T thì cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng cả nhà và đất của bà Á, ông L nên mới có việc cho bà Á, ông L thuê lại nhà. Xét thấy, do bà Á thừa nhận có ký hợp đồng thuê nhà với ông T và có trả tiền thuê nhà cho ông T nên có cơ sở xác định ông L bà Á khi chuyển nhượng đất cho ông T thì đã chuyển nhượng luôn nhà cho ông T.

[6] Bà Á ông L và ông T thỏa thuận thời hạn thuê 01 năm, giá thuê 1.000.000đ/tháng. Do đó sau khi hết thời hạn thuê thì ông T có quyền chuyển

nhượng nhà và đất lại cho bà Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà và đất thì bà Đ là chủ sở hữu hợp pháp nên bà Đ có các quyền của chủ sở hữu như chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định tại các Điều 186, 189 và 192 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy bà Đ có quyền tháo dỡ nhà. Bà Á khởi kiện yêu cầu bà Đ bồi thường giá trị căn nhà với số tiền 300.000.000đ là không có cơ sở, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà Á là phù hợp.

[7] Đối với yêu cầu bồi thường giá trị các tài sản bên trong căn nhà, ngoài trời và tiền thuê trọ với số tiền 175.380.000đ: Xét thấy do bà Đ là chủ sở hữu hợp pháp nên bà Á yêu cầu bà Đ bồi thường tiền thuê trọ do bà Á không có chỗ ở là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà Á có cung cấp Bản trình bày ý kiến ngày 16/12/2024 của ông Phan Văn C, nội dung thể hiện con gái ông là con nuôi của bà Đ có điện thoại cho ông đến nhà bà Á chở đồ và ông C đã lấy 01 tủ quần áo bị bể mặt kính. Tuy nhiên, lời trình bày của ông C không đủ cơ sở để chứng minh tủ quần áo ông lấy là của bà Á và do bà Đ làm hư hại. Đối với những tài sản bên trong căn nhà và tài sản ngoài trời khác thì bà Á cũng không có gì chứng minh tại thời điểm bà Đ tháo dỡ nhà có những tài sản này và thuộc quyền sở hữu của bà Á. Hơn nữa, tại Thông báo số 05/TB-CATT ngày 29/12/2020 của Công an thị trấn Đ đã nêu “tại thời điểm tháo dỡ nhà không có các tài sản như bà Á trình bày trong đơn, chỉ có 01 tủ thờ và 01 cái giường, bà Đ không lấy vẫn để lại hiện trường”. Những tài sản này vẫn còn trên đất bà Đ, bà Á cho rằng bị hư hỏng do bà Đ nhưng không có căn cứ chứng minh nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường này của bà Á là phù hợp. Tuy nhiên, 01 tủ thờ và 01 cái giường bà Đ xác định thuộc sở hữu của bà Á nên bà Á có quyền di dời các tài sản này ra khỏi phần đất của bà Đ.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy bà Á kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ chứng minh để được xem xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[9] Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Á phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

[10] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 289 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Á về yêu cầu bà Nguyễn Hạnh Đ trả số tiền 450.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Á đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Hạnh Đ bồi thường số tiền 475.380.000đ.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 244 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 164, 165, 166, 186, 189, 192, 584, 585, 588 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Á đối với bà Nguyễn Hạnh Đ về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi tài sản, cụ thể đòi với yêu cầu buộc bà Nguyễn Hạnh Đ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Á số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường thiệt hại về tài sản, thuê nhà trọ với số tiền 441.380.000đ (bốn trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 11.250.000đ (mười một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), bà Á đã nộp xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Á1 phải chịu 38.741.400đ (ba mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Khấu trừ 10.913.000đ (mười triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 005139, 005140 cùng ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, bà Á1 phải nộp thêm 27.828.400đ (hai mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Á1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Á1 đã nộp theo Biên lai thu số 0004502 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, bà Á1 đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tấn Quốc